

ĐC

301

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
N CHẤP HÀNH TỈNH HỘI HÀ NAM



LỊCH SỬ
PHONG TRÀO PHỤ NỮ
TỈNH HÀ NAM
(1930 - 2000)

XUẤT BẢN 2000

LỜI GIỚI THIỆU

Mảnh đất Hà Nam trung dũng kiên cường, có một vị trí chiến lược quan trọng trong công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc. Các thế hệ phụ nữ cũng như nhân dân toàn tỉnh giàu lòng yêu nước chống ngoại xâm, chống cường quyền áp bức, chống thiên nhiên khắc nghiệt, đoàn kết cùng nhau xây đắp tỉnh nhà ngày một giàu đẹp, phồn vinh.

Từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo, dìu dắt, phụ nữ Hà Nam không ngừng tiến bộ và có nhiều cống hiến rất đáng tự hào cho quê hương đất nước.

Qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Chủ nghĩa xã hội và thực hiện công cuộc đổi mới đã có lớp lớp phụ nữ lao động quên mình, đảm đang mọi công việc gia đình, động viên chồng con người thân đi chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Chị em đã đóng góp một phần quan trọng trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới của Đảng. Phụ nữ Hà Nam rất xứng đáng cùng phụ nữ cả nước được Đảng, Bác tặng 8 chữ vàng : Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20-10-1930 — 20-10-2000), Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ Hà Nam trân trọng ghi lại những trang sử vẻ vang, oanh liệt và những nét cơ bản về phong trào và sự

hoạt động của phụ nữ tỉnh nhà qua một chặng đường lịch sử (1930 - 2000) ; Nhằm làm cho cán bộ hội viên, phụ nữ toàn tỉnh tự hào với truyền thống của giới mình, qua đó xác định rõ nhiệm vụ của tổ chức Hội, của mỗi cán bộ hội viên phụ nữ trên bước đường đi tới.

Công tác sưu tầm biên soạn tuy chưa được đầy đủ, song Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh mong rằng cuốn sơ thảo **“Lịch sử phong trào phụ nữ Hà Nam 1930 — 2000”** sẽ đóng góp ít nhiều vào việc giáo dục truyền thống cách mạng cho các thế hệ mai sau tiếp bước công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thắng lợi mục tiêu : Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ban Chấp hành Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh cảm ơn sự đóng góp quý báu của các đồng chí lão thành cách mạng của Đảng, của Hội, của đội ngũ cán bộ hội viên các thời kỳ, các cơ quan chuyên môn như Ban Tuyên giáo (Phòng lịch sử Đảng), Sở Văn hóa - Thông tin, Hội Văn học - Nghệ thuật... đã tạo điều kiện để tập sử được hoàn thành.

Chúng tôi rất mong được các cấp Hội và bạn đọc gần xa đón nhận tập sơ thảo lịch sử này với tình cảm trân trọng và mong nhận được sự đóng góp bổ sung chân tình nhất.

T/M BAN CHẤP HÀNH HỘI LHPN
TỈNH HÀ NAM

Chủ tịch

TRẦN THỊ MÃO



*Năm 1995, Nhà nước tặng thưởng Huân chương
Lao động hạng Nhất cho cán bộ hội viên
Hội LHPN tỉnh.*



Chị Trần Thị Mão, Chủ tịch Hội LHPN tỉnh Hà Nam khóa XII
(người ngồi giữa) chủ tọa Hội nghị đóng góp ý kiến xây dựng
Lịch sử phong trào phụ nữ Hà Nam (1930 - 2000)

PHẦN THỨ NHẤT

KHÁI QUÁT VỀ THIÊN NHIÊN, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG CỦA PHỤ NỮ HÀ NAM

Từ thời các vua Hùng dựng nước Văn Lang, vùng đất Hà Nam ngày nay nằm trong quận Vũ Bình thuộc bộ Giao Chỉ, đến thời Trần đổi gọi là châu Lý Nhân thuộc lộ Đông Đô quản 6 huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Cổ Bảng, Cổ Giã, Cổ Lễ và Lý Nhân. Đầu thời Lê, châu Lý Nhân đổi là phủ Lý Nhân thuộc Nam Đạo. Từ thời Lê Quang Thuận (1460 - 1469), huyện Cổ Bảng được đổi là Kim Bảng, tên gọi đó vẫn được giữ đến ngày nay, huyện Cổ Giã đổi là Duy Tân. Đến thời Lê Kính Tông (1610 - 1619), vì tránh tên húy của nhà vua nên gọi là Duy Tiên. Huyện Cổ Lễ lệ vào huyện Duy Tiên và Nam Xang (sau Nam Xang đổi là Lý Nhân). Thời Tây Sơn (1788 - 1802), phủ Lý Nhân thuộc trấn Sơn Nam Thượng. Đến đời Minh Mạng, vào năm 1822 trấn Sơn Nam Thượng lại chuyển thành trấn Sơn Nam. Năm 1831 Minh Mạng quyết định thành lập các tỉnh thì phủ Lý Nhân đổi là phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội.

Năm 1832, huyện Nam Xang và Bình Lục tách khỏi phủ Lý Nhân để thành lập phân phủ Lý Nhân. Năm 1834 xứ Bắc Kỳ được thành lập, phân phủ Lý Nhân cũng bị bãi bỏ, huyện Nam Xang và Bình Lục trực thuộc phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội xứ Bắc Kỳ. Năm Thành Thái thứ hai (1890), lại tách Bình Lục, Nam Xang và Thanh Liêm ra khỏi phủ

Lý Nhân, lập thành phủ Liêm Bình nhập vào tỉnh Nam Định, huyện Duy Tiên và Kim Bảng vẫn thuộc phủ Lý Nhân tỉnh Hà Nội.

Ngày 20-10-1890 Toàn quyền Đông Dương ra nghị định đem toàn bộ phủ Liêm Bình và 17 xã của huyện Vụ Bản và Thượng Nguyên (phần nam Mỹ Lộc) của tỉnh Nam Định, cùng với hai tổng Mục Hoàn, Chuyên Nghiệp của huyện Phú Xuyên tỉnh Hà Nội nhập vào huyện Duy Tiên thành lập tỉnh Hà Nam.

Ngày 24-10-1908, thực dân Pháp tách châu Lạc Thủy của tỉnh Hòa Bình nhập vào tỉnh Hà Nam. Ngày 9-3-1910, đặt tỉnh Hà Nam lệ vào tỉnh Nam Định gọi là đại lý Hà Nam. Ngày 21-3-1923, lại xóa bỏ đại lý để trở thành tỉnh Hà Nam gồm huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Duy Tiên, Lý Nhân, Kim Bảng, Lạc Thủy và thị xã Phủ Lý với 44 tổng 390 xã.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) tỉnh thuộc Liên khu III. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo kháng chiến của hai tỉnh Nam Định và Hà Nam, tháng 5-1953 Trung ương quyết định cắt các huyện phía bắc tỉnh Nam Định gồm huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và 7 xã phía bắc huyện Nghĩa Hưng nhập vào tỉnh Hà Nam, trả lại Lạc Thủy về tỉnh Hòa Bình.

Tháng 4-1956, sau giảm tô và cải cách ruộng đất, ba huyện Ý Yên, Vụ Bản, Mỹ Lộc và 7 xã của Nghĩa Hưng sáp nhập trở lại tỉnh Nam Định.

Năm 1965 tỉnh Hà Nam và tỉnh Nam Định sáp nhập thành Nam Hà. Năm 1976 Nam Hà lại sáp nhập với Ninh Bình thành tỉnh Hà Nam Ninh. Năm 1992 tỉnh Nam Hà và

Ninh Bình lại chia tách như cũ. Đầu năm 1997 tỉnh Hà Nam được tái lập gồm 114 xã, phường thuộc 5 huyện và một thị xã, tính đến ngày 1-4-1999 toàn tỉnh có 791.368 người, trong đó có 407.435 nữ chiếm trên 60% dân số.

Hà Nam nằm ở phía tây nam đồng bằng Bắc Bộ, phía bắc giáp tỉnh Hà Tây, phía nam giáp tỉnh Nam Định, phía đông qua sông Hồng là tỉnh Hưng Yên và Thái Bình, phía tây nam là tỉnh Ninh Bình, phía tây giáp tỉnh Hòa Bình, diện tích tự nhiên 840 km².

Địa hình của tỉnh chia làm hai khu vực rõ rệt, bao gồm khu rừng núi ở phía tây huyện Kim Bảng và tây bắc huyện Thanh Liêm, còn lại 2/3 đất đai thuộc vùng ô trũng, sen kẽ các núi đồi nổi tiếng như Quyển Sơn, Núi Non, Thiên Kiện (Chanh Chè), Quế Sơn, Đọi Sơn, Điệp Sơn. Có núi cao lại có nhiều sông rộng : Sông Hồng chảy theo phía đông tỉnh qua huyện Duy Tiên và Lý Nhân, đổ ra cửa Ba Lạt (Nam Định), sông Đáy chảy vào địa giới của tỉnh từ xã Tân Sơn (Kim Bảng), xuôi theo huyện Kim Bảng, Thanh Liêm, qua Ý Yên, Nghĩa Hưng đổ ra biển. Ngoài hai con sông lớn, Hà Nam còn có nhiều sông nhỏ như sông Đào, Châu Giang, Hoàng Giang đổ vào sông Đáy, sông Sắt chảy từ An Bài huyện Bình Lục đến Vĩnh Trị huyện Ý Yên (Nam Định).

Bên phía hữu ngạn sông Đáy thuộc huyện Kim Bảng và một số xã của huyện Thanh Liêm là vùng bán sơn địa. Bên phía tả ngạn sông Đáy đến giáp sông Hồng là vùng đồng bằng trong đó 2/3 diện tích là đồng chiêm trũng thuộc các huyện : Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân, Duy Tiên. Cốt đất không đều nhau, độ chênh lệch rất lớn, ở xã Mộc Bắc (Duy

Tiên) là 4,1m; tại xã Tiên Ngoại (Duy Tiên) 0,8m; điển hình là đồng chiêm trũng Bình Lục, cái "rốn nước của đồng bằng Bắc Bộ", một số nơi chỉ cao 0,3 m so với mặt biển. Đồng ruộng ở Hà Nam nằm sâu trong đất liền, do có các đồi núi và hệ thống đê che chắn, nước phù sa ít được tràn vào nên những vùng đất này thường bị úng triền miên, màu đất thường đen hoặc nâu nhạt, độ phì kém, độ pH cao.

Lần theo những dấu ấn còn lưu giữ được trong lòng đất, trong các thân phủ, thân tích, bia ký, mộ chí, đã giúp chúng ta thấy được vai trò và cuộc sống của người phụ nữ từ xa xưa trên mảnh đất Hà Nam lịch sử này.

Ở hang Đông Nội, hang Ốc (vùng Kim Bảng) các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều dấu tích của người nguyên thủy ở thời kỳ Mẫu quyền. Vùng núi Đọi huyện Duy Tiên là nơi phát hiện được nhiều sọ người (chủ nhân nền văn minh Đông Sơn) nguyên vẹn nhất cả nước, với quan tài gỗ hình thuyền được xác định niên đại bằng phương pháp phóng xạ các bon C_{14} , tồn tại cách ngày nay trên dưới 2.000 năm. Ngoài ra còn có các khu mộ cổ hình thuyền ở Thanh Sơn, Thi Sơn, Khả Phong, Châu Sơn, Ba Sao (Kim Bảng) nằm ven sông Đáy; khu mộ cổ Trì Xá, Yên Từ (Duy Tiên) nằm ven sông Hồng.

Trong các khu mộ cổ, các nhà khoa học đã tìm thấy nhiều công cụ sản xuất như : cuốc gỗ, dao gặt lúa ⁽¹⁾ đặc biệt là các đồ dùng sinh hoạt như : chậu đồng, bát gỗ, khuyên tai bằng đá và các mảnh "gương", "lược" ⁽²⁾. Những

(1) Là loại dụng cụ dùng để cắt lúa có tác dụng như lưỡi hái của thời đại chúng ta.

(2) Những đồ dùng sinh hoạt hàng ngày của phụ nữ.

hiện vật cổ quý đó đã chứng minh rằng có một nền văn minh sông Hồng, văn minh lúa nước của cư dân Việt cổ ở Hà Nam đã phát triển tới trình độ khá cao.

Vào khoảng cuối thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, khi lực lượng sản xuất đã phát triển, từng bộ phận cư dân Việt cổ, chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn đã dời hang động, từ thượng lưu các con sông lớn, xuôi dần về phía hạ lưu, cư trú trên các doi đất cao ven sông Hồng, sông Đáy, thuộc các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Lý Nhân và một phần của Bình Lục. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, phụ nữ Hà Nam đã góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, quê hương, gia đình, làng xóm ngày càng trù phú, yên vui.

Có thể nói hàng ngàn năm trước đây, người dân Hà Nam nói chung và phụ nữ Hà Nam nói riêng chủ yếu làm nông nghiệp, có kết hợp với nghề thủ công và buôn bán nhỏ. Ở trong vùng chiêm trũng điển hình của đồng bằng Bắc Bộ nơi mà quanh năm nước phủ mênh mông, người sống suốt ngày ngâm da dưới nước để lao động sản xuất, người chết cũng không có được chỗ cao ráo để chôn.

“Sống nằm giường tre chết nghe sóng vỗ

Sống nằm giường gỗ, chết cũng nghe sóng vỗ từ bề”

Người “Sống ngâm da, chết ngâm xương”, nổi cay đắng, cơ cực đã thắt chặt lấy cuộc đời của họ.

Để vượt qua muôn vàn gian nan vất vả trong suốt quá trình tồn tại và phát triển, người dân Hà Nam, người phụ nữ Hà Nam, từ bao đời nay đã phải chống trọi với thiên

tai, hết bạo lụt lại hạn hán, để chiến thắng, họ đã đoàn kết cùng nhau, lao động cần cù, sáng tạo. Chính vì vậy, đã hun đúc nên tình yêu quê hương, ý chí kiên cường và lòng dũng cảm, họ đã phải ngâm mình dưới nước quanh năm để đào đất đắp thành đường, thành mương máng, sông ngòi để đi lại giữa các vùng, miền với nhau. Do đó giữa đảo nước mênh mông của vùng quê chiêm trũng, nhân dân ta xây dựng được hệ thống giao thông thủy bộ quan trọng phục vụ cho việc phát triển kinh tế và xây dựng quốc phòng ở địa phương.

Hà Nam nằm án ngữ con đường thiên lý xưa kia, nay là quốc lộ số 1, con đường huyết mạch Bắc Nam. Ngoài quốc lộ còn có tỉnh lộ quan trọng như đường 21, con đường giao lưu kinh tế giữa vùng biển Nam Định, Thái Bình, qua Hà Nam nối liền với khu kinh tế đồi rừng của tỉnh Hòa Bình và khu Tây Bắc. Đường 62 nối các huyện Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân với đường 61 và 60 qua huyện Duy Tiên sang tỉnh Hưng Yên và khu tả ngạn sông Hồng là vùng trù phú của đồng bằng Bắc Bộ.

Trong vùng sinh thái chiêm trũng điển hình, nơi có những người đàn bà “*Hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai công, chân nam đá chân chiêu*”⁽¹⁾, suốt ngày tất tưởi với công việc đồng áng và bấp núc, nhưng giỏi chữ nghĩa, đã thu tóm được nỗi khó khăn vất vả trong lao động sản xuất vào những câu ca dao :

*“Duy Tiên đồng bãi mai rùa
Ăn hạt thóc mùa, tát nước quanh năm”*

(1) Chữ dùng của cụ Nguyễn Khuyến.

Núi non sông nước bao năm thử thách nhưng lại gần gũi với mỗi kỷ niệm của con người :

- *Núi Đọi ai đắp mà cao*
Ngã ba sông Lệnh ai đào mà sâu
Khen ai khéo bắc cầu Châu

- *Mây giăng trên đỉnh non vông*
Em nhớ thương chồng đứng bên Châu Giang

- *Quyển Sơn vui thú nhất đời*
Dốc lòng trên dậm, dưới bơi ta về
Đôi bên núi tựa sông kê
Ngược xuôi tiện nẻo, lăm nghề làm ăn

Bóng dáng của những người phụ nữ ngày xưa với nghề khổ vất vả tuy đã trở thành quá khứ nhưng vẫn nhắc nhở cho các thế hệ mai sau :

- *Nam Xang đồng hẹp bãi dài.*
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều.
- *Bình Lục đồng trắng nước trong,*
Thóc gạo thì ít, rêu rong thì nhiều.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, chúng cấu kết chặt chẽ với giai cấp phong kiến, thiết lập bộ máy cai trị từ tỉnh tới xã. Bọn địa chủ, cường hào được thực dân Pháp bảo vệ đã dùng mọi thủ đoạn tàn bạo để cướp đoạt ruộng đất, bóc lột nhân công rẻ mạt, đã đẩy người lao động đến chỗ khốn cùng. Trong các xóm thôn, nông dân lao động sống trong những túp nhà tranh vách đất lụp xụp, xiêu vẹo, cảnh “cơm sung”, “cháo dền” thường xuyên diễn ra,

nhiều khi chỉ có “cháo cám” ăn cho qua ngày. Phương kế sinh sống của họ quanh năm chỉ trông vào đun riu, đãi tép, hay nghề mò cua bắt ốc ngoài đồng sâu nước ngập.

*“Cô kia thất dải lưng xanh
Có về làng Gạo ⁽¹⁾ với anh thì về
Làng Gạo có cây bồ đề
Có giàn hoa lý có nghề bắt cua”*

Quanh năm lao động vất vả, lam lũ cơ hàn mà quanh năm vẫn chẳng đủ ăn, cảnh túng quẫn, nợ nần cứ gấn bó với cuộc đời của người phụ nữ như những lời thề truyền kiếp :

*“Bao giờ thôn Tiều có đình
Làng Gạo sạch nợ thì mình lấy ta”.*

Phần lớn người nông dân sống trong các thôn, xóm không có ruộng, vườn, phải đi làm thuê, ở mướn quanh năm cho bọn địa chủ, cường hào để kiếm bát cơm, manh áo nuôi gia đình, nhiều người phải bỏ quê hương, làng xóm ra đi tha phương cầu thực ở các tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh... hoặc vào làm phu trong các đồn điền của thực dân Pháp ở Nam Kỳ, Cao Miên, Tân Đảo... có những làng như Dũng Kim, Mạc Thượng, Bàn Ba, Vạn Thọ huyện Lý Nhân; Đồng Du huyện Bình Lục; Văn Bút xã Trác Văn huyện Duy Tiên, có tới 80% nam giới phải bỏ quê hương ra đi mà chẳng mong có ngày trở về, có làng bỏ đi hết bị xóa tên như làng Gạo (huyện Bình Lục), bao nỗi cơ cực lại chất nặng thêm lên vai người phụ nữ trong việc nuôi dạy con cái ở nhà.

(1) Làng Gạo nay là làng Lũng Xuyên xã Yên Bắc (Duy Tiên).

Những ngày đen tối cùng cực càng kéo dài thì cảnh ốm đau, đói rét, bệnh tật, chết chóc càng diễn ra thê thảm, nạn đói đầu năm 1945 đã làm cho hơn 5 vạn người dân Hà Nam bị chết, đa số là người già, phụ nữ và trẻ em. Ở một số nơi chết nhiều nhất như xã Xuân Khê (Lý Nhân) 520 người, thôn An Ngoại xã Tiên Hiệp (Duy Tiên) chỉ có 370 người mà đã chết 94; trong huyện Bình Lục “người chết nằm la liệt khắp đường làng, ngoài chợ”⁽¹⁾, có gia đình bị chết cả. Những cảnh tượng vô cùng cảm động, nhìn thấy không ai có thể cầm được nước mắt, có bà mẹ chết đói cùng với đứa con nhỏ khi trong miệng còn đang ngậm miếng cơm chưa kịp mớm cho con.

Trong xã hội thuộc địa nửa phong kiến, người phụ nữ Việt Nam nói chung, người phụ nữ Hà Nam nói riêng là những người chịu nhiều khổ cực nhất, cay đắng nhất bởi những hủ tục lạc hậu và lễ giáo phong kiến ràng buộc trong gia đình và xã hội. Với quan niệm cổ hủ được duy trì từ đời nọ qua đời kia.

“Tê gia nội trợ đàn bà.

Nấu cơm, rửa bát, quét nhà quanh năm”

Thân phận người phụ nữ bị coi như người nô tỳ phục vụ trong nhà, mọi công việc lao động nặng nhọc đều do tay người phụ nữ làm, sắp xếp gia đình gọn gàng ngăn nắp cũng do tay người phụ nữ; thay chồng nuôi dạy con để cho chồng yên tâm đi lính, đi lao dịch; xây dựng và bảo vệ đất nước cũng đều do người phụ nữ đảm đương. Vò vó nuôi con một mình, tháng ngày tựa cửa ngóng chồng trở về,

(1) Trích Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Lục trang 31 sách đã dẫn.

trong sự gian truân ấy đã dần hình thành những đức tính cao quý của người phụ nữ : Cần cù, trung hậu, đảm đang. Song đức tính cao quý đó không phải lúc nào cũng được người đời thấu hiểu, có lúc lòng chung thủy của người phụ nữ còn bị nghi ngờ, chà đạp mà chỉ có cái chết mới giải được nỗi oan như nàng Vũ Thị ở Trương Xá xã Chân Lý huyện Lý Nhân.

Cái chết của nàng Vũ Thị người con gái Nam Xương trinh thực đoan trang đã làm xúc động lòng người. Nhân dân ở Trương Xá đã lập miếu thờ nàng. Năm 1467 vua Lê Thánh Tông đi vãng cảnh Sơn Nam, ghé qua miếu nàng đã ngưỡng mộ đề thơ :⁽¹⁾

*“Nghĩ ngút đầu ghènh tỏa khói hương
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương⁽²⁾
Ngọn đèn khi tỏ đừng nghe trẻ
Cung nước chi cho lụy đến nàng
Chúng quả đã đôi vầng nhật nguyệt
Giải oan chi lộ lập đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng”.*

(1) Theo bản dịch (Thơ văn Lê Thánh Tông).

(2) Nàng Vũ Thị Thiết có chồng đi lính ở nơi xa. Đêm khuya thanh vắng đốt đèn lên cho khuấy nỗi nhớ, nàng thường chỉ vào bóng trên vách nhà bảo con “Cha đấy”. Khi người chồng được mãn hạn lính trở về, đứa con nhỏ không nhận cha nó, cứ nằng nặc bảo “Đêm cha mới về cơ”, mẹ đau cha đấy. Người chồng nghi ngờ vợ ở nhà ngoại tình không chung thủy, đã phũ phàng đánh mắng nàng thậm tệ, không thể nào giải được nỗi oan khuất nàng đã nhảy xuống sông tự vẫn.

Ngài rất khâm phục tấm lòng trong trắng của nàng Vũ Thị, đồng thời cũng nhắc nhở, quả trách cảnh tình chàng Trương nói riêng và những người đàn ông ở Nam Xương nói chung chớ có hồ đồ mà phũ phàng bạc tình, bạc nghĩa đối với người vợ, đối với người đàn bà rất mực thủy chung.

Dưới chế độ thực dân phong kiến, những người phụ nữ ở nông thôn sống cuộc đời cơ cực, quanh năm đầu tắt mặt tối như kiếp ngựa, trâu, còn những người phụ nữ ở các phố huyện và thị xã trong tỉnh Hà Nam tuy khổ cực ít hơn nhưng lại phải chịu đựng thêm nỗi nhục nhã ê chề. Thực dân Pháp đã khuyến khích lối sống thực dụng phương tây, chúng hạn chế mở trường dạy học, tăng cường mở các đại bài, tiểu bài rượu, sòng bạc, tiệm hút, nhà chứa ở khắp nơi: Thôn Đò Lương xã Yên Khê Bắc (Duy Tiên), có 32 ổ nghiện hút ; ở huyện Lý Nhân, ngoài các tiệm hút, sòng bạc còn có hai xóm “cô đầu” ; riêng ở Phủ Lý, một thị xã nhỏ bé mà đã có tới 300 bàn đèn thuốc phiện, trong dãy phố bờ hồ có khoảng 50 gia đình, hầu hết đều mở tiệm hút, sòng bạc và các ổ gái mại dâm. Nạn nghiện hút rượu cồn, thuốc phiện, nạn cờ bạc, mại dâm đã đầu độc nhân dân cả về tinh thần và thể xác, nó gây ra biết bao cảnh tan nát đau thương cho các gia đình : Vợ phải lìa chồng, con phải lìa cha, chị em ly tán. Thảm cảnh đó đã đẩy người phụ nữ đến chỗ khốn cùng, một số chị em buộc phải vào làm việc trong các sòng bạc, tiệm hút hoặc phải bán mình trong tiệm “cô đầu”, để kiếm mấy đồng tiền công nhơ nhuốc.

Trong sự gian truân ấy, người phụ nữ Hà Nam đã biết vượt qua số phận nghiệt ngã của cuộc đời, với đôi bàn tay khéo léo, với tính cần cù sáng tạo, những cô gái dịu dàng duyên dáng của vùng chiêm trũng vẫn tạo ra những vật

phẩm nổi tiếng khắp vùng, được hòa quyện trong những câu thành ngữ mang đậm đà bản sắc quê hương : Đậu Đằm, bún Tái, gỏi Ngô Khê; vải Lưu Xá, cá dầm Rạch; rượu Văn Phái, gỏi Lam Cầu, trầu Lệ Thủy. Ngoài những vật phẩm nổi tiếng, còn phải kể đến các sản phẩm truyền thống như : Nghề đan dó, đan lờ, đan dậm ở Lý Nhân ; đan riu tép ở Bình Lục, nghề song mây, nghề tơ tằm, dệt lụa ở Duy Tiên; nghề gốm (Kim Bảng); nghề thêu ren (Thanh Liêm)...

Cũng ở vùng chiêm trũng điển hình này, chính những người đàn bà hay lam hay làm “thắt lưng bó que, xắn váy quai công, chân nam đá chân chiêu”, suốt ngày tất tưởi với công việc làm thuê, ở mướn, với đồng ruộng, với bát ốc mò cua... đã xuất hiện những tài năng thông tuệ. Tuy không được học hành, không được đến trường thi nhưng những người phụ nữ Hà Nam lại tận tâm, tận lực nuôi chồng, nuôi con ăn học, bằng cả trí tuệ và tấm lòng, bằng những vần điệu dân ca mượt mà của những câu hát dậm ở Quyển Sơn, xã Thi Sơn (Kim Bảng); hát lả lè ở Lý Nhân ; hát châu văn, hát trống quân ở Đình Xá (Bình Lục); những câu binh thư, binh pháp trong vùng văn hóa Liễu Đồi (Thanh Liêm) ; đặc biệt là dân ca vùng ngã ba sông Móng ⁽¹⁾ vùng văn hóa dân gian đầm ấm tình người.

*“Một vùng sông rẽ làm ba
Tiếng con gà gáy nghe ba huyện cùng”*

(1) Nơi tiếp giáp 3 xã của 3 huyện : Tiên Phong (Duy Tiên), Văn Lý (Lý Nhân), Bình Nghĩa (Bình Lục).

Đó là những mạch nguồn nối tiếp, tô đậm thêm truyền thống khoa bảng, mãi mãi là tấm gương soi sáng cho con cháu mai sau.

Kể từ khoa thi nho học đầu tiên (1075) đến khoa thi cuối cùng (1919), toàn tỉnh Hà Nam đã có 58 vị đỗ ở 46 khoa thi (Duy Tiên 24 vị, Bình Lục 10 vị, Lý Nhân 8 vị, Kim Bảng 7 vị, Thanh Liêm 5 vị, Phủ Lý 4 vị). Các nhà khoa bảng ở Hà Nam đã đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước như : Lý Trần Thản (Lê Xá - Duy Tiên) Thượng thư bộ binh; Trương Công Giai (Thiên Kiện - Thanh Liêm). Có nhiều người trở thành học giả, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng như Trần Thuấn Du (Tân Hội, Duy Tiên) làm quan nhập nội hành khiển (Tể tướng) dạy vua, Dương Bang Bản (An Cừ - Thanh Liêm) Thượng thư bộ lễ; Nguyễn Khuyến (Yên Đổ - Bình Lục) nhà thơ cổ điển có những bài duy nhất về mùa thu Việt Nam.

Nếu trong những năm tháng dưới chế độ thực dân, địa phương tự hào có Nguyễn Hữu Tiến tác giả vẽ cờ đỏ sao vàng; Phạm Tất Đắc với tập “Chiêu hồn nước” bất hủ; Nguyễn Thượng Cát với “Tư bản luận lược dịch”; Nam Cao với “Chí Phèo”... thì dưới chế độ mới, Hà Nam lại vô cùng tự hào với tiếng trống Bắc Lý (Lý Nhân) nơi khởi nguồn của phong trào “Dạy tốt, học tốt” của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa; Nhà trẻ thôn Bùi (Trịnh Xá - Bình Lục) nơi khởi nguồn của phong trào nuôi dạy trẻ ở hậu phương. Đó là những mảnh đất màu mỡ trong vùng chiêm trũng đã ươm mầm, nảy nở tài năng mới như Phạm Thanh Hải (Mộc Nam - Duy Tiên) đã đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi Vật Lý Quốc tế ở Ru-ma-ni năm 1984.

Để có được cuộc sống tốt đẹp như ngày hôm nay, người phụ nữ Hà Nam không chỉ hai sương một nắng trên đồng ruộng hay núi rừng mà hết đời này qua đời khác chung lưng đấu cật, cầm gươm, ôm súng để bảo vệ quê hương và mảnh đất thân yêu.

Vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, mỗi khi có giặc ngoại xâm đến tàn phá đất nước, giày xéo quê hương, phụ nữ Hà Nam lại vùng lên cùng nhân dân trong tinh quyết tâm chiến đấu bảo vệ từng tấc đất của tổ tiên.

Ngay từ những năm đầu Công nguyên, giặc phương Bắc sang đô hộ, chúng tham tàn bạo ngược, áp đặt phong tục tập quán, bắt dân ta phải theo. Chúng vợ vét sản vật, cướp của “sát phu, hiếp phụ” nhằm triệt để thực hiện âm mưu đồng hóa, biến nước ta thành quận, huyện của chúng. Không cam chịu làm nô lệ, không chịu “khum lưng cúi đầu làm tỳ thiếp người”, phụ nữ đã vùng lên đi tiên phong trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc, bảo vệ phẩm giá con người.

Trên dải đất Hà Nam lịch sử, từ vùng rừng núi Kim Bảng, Thanh Liêm đến vùng đồng trũng lau sậy um tùm ở các huyện Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân, có nhiều nữ tướng tài ba thao lược, đã về tụ họp dưới lá cờ đại nghĩa của Hai Bà Trưng chống lại ách đô hộ của quân Nam Hán. Tiêu biểu nhất là nữ tướng Nguyệt Nga ở thôn An Mông xã Tiên Phong (Duy Tiên).

Nguyệt Nga ⁽¹⁾ là con ông Trần Huy và bà Phạm Thị Đào, vốn thông minh, từ nhỏ lại đẹp nết, đẹp người nên

(1) Nguyệt Nga theo cuốn Ngọc phả lưu giữ tại đình thôn An Mông, xã Tiên Phong (Duy Tiên).

được nhân dân mến phục. Bấy giờ nước ta đang bị nhà Hán thống trị, Thái thú Tô Định là kẻ tham tàn có ý muốn bắt Nguyệt Nga về làm vợ. Vì không chịu gả con gái mình cho giặc nên ông Huy đã bị Tô Định giết hại.

Trước cảnh nước mất nhà tan, bà Nga sôi sục căm thù, quyết không đội trời chung cùng lũ giặc, đã chiêu mộ binh sỹ, lấy mảnh đất quê hương làm nơi tụ nghĩa. Căn cứ chiến đấu của nghĩa quân là cánh đồng lau sậy mênh mông, rất thuận tiện cho việc tấn công và phòng thủ, nơi ấy được gọi là Đồng Bình.

Khi Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa, bà Nga cùng vài ngàn nghĩa quân tình nguyện tham gia. Được nhiều nữ tướng tài trí hưởng ứng, Hai Bà Trưng đã đánh tan giặc Hán giành độc lập cho dân tộc. Do lập nhiều chiến công lớn, được Trưng Vương phong là Nguyệt Nga công chúa và ban thưởng cho quân sỹ. Bà trở về quê hương mở hội ăn mừng. Nhớ lại những ngày sống trong rừng thấy những con sâu ăn lá rồi nhả sợi tơ, gợi ý tưởng có thể lấy những sợi tơ đó dệt thành tấm vải may quần áo, bà đã khuyên bảo dân làng ngoài việc chăm chỉ cấy lúa, nên trồng dâu nuôi tằm để đảm bảo cái ăn, cái mặc. Vì thế nhân dân trong vùng đã coi bà như “Bà tổ của nghề dâu tằm”.

Năm 43 sau Công nguyên, Mã Viện đem quân sang đánh nước ta, nữ tướng Nguyệt Nga đem 50 người hầu cận về triều đình nhận lệnh, bà được giao nhiệm vụ trấn giữ thành Lạng Sơn, trước thế giặc mạnh, Lạng Sơn, Lãng Bạc đều thất thủ, Trưng Vương tử tiết. Bà Nga chạy về quê hương tử tiết ở nơi ngã ba sông, quyết không chịu sa vào tay giặc. Cảm kích trước tấm lòng yêu nước và

công lao to lớn của bà, nhân dân An Mông đã lập đền thờ, suy tôn bà là Thánh Mẫu, là Thành Hoàng làng (người có công sáng lập quê hương). Hiện nay tại Đình Đá thôn An Mông nơi thờ bà còn lưu giữ đôi câu đối ca ngợi chiến công của Thánh Mẫu Nguyệt Nga.

Hùng Khái thoa quần tô Bắc khứ

Anh thư kiếm mã Việt Nam an.

“Lớp nữ nhi có khí khái anh hùng đuổi giặc Tô Định về Phương Bắc. Người con gái tài ba với thanh gươm yên ngựa, giữ yên bờ cõi nước Nam”. Hiện nay trong toàn tỉnh đã phát hiện được trên 30 đình, đền, miếu thờ các nữ tướng như Cao Liên Nương ở Liêm Sơn (Thanh Liêm), Quỳnh Chân công chúa ở Đình Xá ; Học Công, Nga Nương, Hồng Nương ở Bình Nghĩa (Bình Lục); đền thờ bà Lê Chân ở cửa rừng Lạt Sơn xã Thi Sơn, bà Thụy Nương ở Văn Xá (Kim Bảng)... Hàng năm, cứ vào ngày măt của các bà, nhân dân ở địa phương lại tổ chức lễ hội, dâng hương, dâng hoa để tưởng nhớ công ơn của các vị anh hùng đã quên mình cứu nước, cứu dân.

Trải qua các triều đại phong kiến, phụ nữ Hà Nam đã đóng góp rất lớn vào sự nghiệp chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương. Cuộc kháng chiến chống quân Nguyên, chiến thắng lừng danh trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập của dân tộc ở thế kỷ XIII, đến nay thời gian tuy đã lùi xa, nhưng dấu tích của dòng sông Thiên Mạc chảy qua đất Duy Tiên, Lý Nhân, Bình Lục xuôi về căn cứ Thiên Trường; dấu tích của kho quân lương Trần Thương ở Nhân Đạo (Lý Nhân) vẫn còn in đậm nét hình ảnh người phụ nữ cùng với quân dân địa phương đã đóng góp

sức lực, của cải xây dựng kho lương, đã cùng với quân đội dưới sự chỉ huy của danh tướng Trần Bình Trọng ⁽¹⁾ kiên cường chiến đấu trên sông Thiên Mạc để bảo vệ vua quan nhà Trần rút về căn cứ an toàn. Đó là chiến công của bà bán hàng nước, hàng ngày vào cổng đồn lợi dụng bán hàng để nắm tình hình địch, giúp cho tướng quân nhà Trần tiêu diệt đồn A Lỗ ⁽²⁾. Chiến công nối tiếp chiến công, thế kỷ XV ở Tiên Lý (Bình Lục) có bà Nguyễn Thị Đào (Á Đào) (1398-1428) đã dùng mưu mẹo lừa quân Minh trong đồn Dâu đêm ngủ chui vào túi để tránh muỗi đốt, sau đó bà buộc miệng túi lại báo hiệu cho nghĩa quân Lê Lợi vào tiêu diệt.

Từ khi thực dân Pháp đánh chiếm quê hương lần thứ nhất (1873), phát huy khí phách anh hùng của những lớp người đi trước, phụ nữ Hà Nam lại cùng với nhân dân địa phương tham gia đánh giặc dưới sự chỉ huy của Đinh Công Tráng (Nham Tràng, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm); Lê Hữu Cầu (1860-1889) ở Lưu Xá, xã Nhật Tựu; Đinh Văn Nghiên (Đề Yêm) (1858-1895) ở Đồng Lạc, xã Đồng Hóa; Đinh Hữu Tài (1895-1925) thôn Thụy Xuyên, xã Ngọc Sơn (Kim Bảng)... Những cuộc khởi nghĩa, những cuộc đấu tranh của phụ nữ dưới chế độ phong kiến thực dân, tuy có đạt được những thắng lợi nhưng còn rất hạn chế, vì những người phụ nữ bị bóc lột, áp bức nặng nề nhất, họ tự vùng dậy hoặc tham gia đấu tranh ở một vài nơi, chưa

(1) Trần Bình Trọng quê ở xã Liêm Cẩn huyện Thanh Liêm.

(2) A Lỗ ngày nay là thôn Lô Hàn xã Chuyên Ngoại - Huyện Duy Tiên.

liên kết chặt chẽ được với nhau, chưa có một tổ chức do giai cấp tiên phong lãnh đạo. Những phong trào đấu tranh đó là sức mạnh khơi nguồn nối tiếp truyền thống yêu nước, nung nấu thêm tinh thần và ý chí cách mạng của người phụ nữ. Khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Đảng bộ tỉnh Hà Nam, thì các phong trào đấu tranh mới thể hiện đầy đủ sức mạnh của mình, làm nên những sự kiện lịch sử chói ngời chiến công, tô thắm thêm truyền thống yêu nước và cách mạng của phụ nữ Hà Nam.

PHẦN THỨ HAI

PHỤ NỮ HÀ NAM THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (1930 — 1945)

I - DƯỚI NGỌN CỜ CỦA ĐẢNG TIÊN PHONG, PHỤ NỮ HÀ NAM BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẤU TRANH (1930 — 1931)

Do chính sách vơ vét, khai thác thuộc địa tàn bạo của thực dân Pháp, để bù đắp những thiệt hại của chúng sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đồng thời thiên tai, bão lụt xảy ra liên tiếp, làm cho đời sống của nhân dân Hà Nam nói chung và phụ nữ nói riêng càng thêm điêu đứng, khổ cực. Giá nông sản tụt xuống rất thấp, sưu thuế ngày càng tăng thêm. Nặng nề nhất là thuế đinh, chúng bắt những người nam giới từ 18 - 60 tuổi, hàng năm phải đóng 2đ50 (tương đương với 1 tạ gạo tẻ lúc đó), ngoài ra bọn hương lý, kỳ hào còn thu thêm các khoản phụ gọi là “phụ thu”, nơi ít nhất cũng phải tới 3đ00, nhiều nơi lên tới 4đ50. Ngoài thuế đinh, còn có nhiều thứ thuế khác như: thuế điền, thuế chợ, thuế vệ sinh...

Bọn thực dân phong kiến ở Hà Nam còn ra sức cướp đoạt đất đai để lập đồn điền. Vùng bán sơn địa của hai huyện Thanh Liêm, Kim Bảng và châu Lạc Thủy, bọn thực dân đã lập 9 đồn điền lớn với tổng diện tích 11.937 ha.

Giai cấp địa chủ chỉ chiếm 4% dân số toàn tỉnh, nhưng chúng đã chiếm đoạt 16.812 ha ruộng (31% diện tích đất canh tác). Ngoài ra còn có địa chủ nhà Chung là những người có chức sắc trong đạo Thiên chúa lợi dụng uy quyền, giáo lý để cướp đoạt ruộng đất của nhân dân theo đạo. Đất đai bị mất dần, không có tư liệu để sản xuất, hàng năm lại phải đóng sưu cao thuế nặng, đã đẩy người dân đến chỗ khốn cùng. Trước tình cảnh quẩn bách, các tầng lớp nhân dân Hà Nam không còn con đường nào khác là vùng lên đánh đổ chế độ áp bức bóc lột của đế quốc và bọn tay sai để giải phóng cho mình. Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, tư tưởng cách mạng vô sản do đồng chí Nguyễn Ái Quốc biên soạn thành tài liệu, được các học trò của Người truyền bá về trong nước, đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hà Nam qua các tài liệu và sách báo tiến bộ.

Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, chủ nghĩa tiên tiến nhất của thời đại đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc tiếp thu và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc rất thấu hiểu nỗi thống khổ của dân tộc, nhất là của phụ nữ. Người chỉ rõ: *“Phụ nữ muốn giải phóng phải cùng dân tộc và giai cấp đứng lên làm cách mạng”, “Phụ nữ chiếm số đông trong lực lượng nhân dân, lại chịu nhiều đau khổ nên có tinh thần đấu tranh cách mạng, nếu phụ nữ không tham gia thì cách mạng không thể thành công”*. Tư tưởng giải phóng phụ nữ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc là ngọn đuốc thần kỳ, soi dẫn dẫn đường chỉ lối đưa phụ nữ bước vào sự nghiệp đấu tranh.

Ngay từ năm 1929 tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội đã phát triển mạnh ở Hà Nam, với nhiều hoạt động phong phú: Thông qua các cuộc gặp gỡ bạn

*Chị Trần Thị Đức
là một trong bốn nữ
đảng viên chi bộ
Đông Dương Cộng
sản Đảng ở thị xã
Phủ Lý (1930).*



*Chị Nguyễn Thị Ty
là một trong bốn nữ
đảng viên chi bộ
Đông Dương Cộng
sản Đảng ở thị xã
Phủ Lý (1930).*

bè, tổ chức đi hội chùa Hương; mở các lớp bồi dưỡng chính trị ngắn ngày để khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân trong toàn tỉnh. Thị xã Phủ Lý là đầu mối giao thông đi các tỉnh, là trung tâm buôn bán, các chị em tiểu thương ở đây đã sớm được giác ngộ cách mạng qua các tài liệu sách báo và người thân trong gia đình. Do được tuyên truyền giác ngộ của anh Lương Khánh Thiện, một số chị em ở thị xã Phủ Lý đã được kết nạp vào tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội như chị Phúc, chị Đức, chị An, chị Kiến, chị Ty.

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển ngày càng cao của phong trào yêu nước, được sự chỉ đạo trực tiếp của Xứ ủy Bắc Kỳ, các tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội trong toàn tỉnh tiến hành lựa chọn hội viên để chuyển Đảng. Khoảng tháng 1-1930 chi bộ Đông Cộng sản Đảng ở Phủ Lý được thành lập gồm 5 đảng viên trong đó có 4 đồng chí là nữ (Trần Thị Phúc, Trần Thị Đức, Nguyễn Thị Kiến, Nguyễn Thị Ty).

Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng mới được thành lập ở các huyện thị, theo đường lối thống nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chú trọng công tác Đảng, nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng cho đảng viên, đồng thời chú ý xây dựng các tổ chức hợp pháp để hoạt động như: Hội tương tế, Hội học chữ Quốc ngữ, Hội nhân đình... nhằm tập hợp, giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ trong quần chúng và tập dượt cho quần chúng đấu tranh. Trên cơ sở đó, các chi bộ Đảng lựa chọn trong nhân dân những người tích cực có tinh thần hăng hái cách mạng, tổ chức họ vào Nông hội đỏ (ở nông thôn); hội buôn bán, hội nghề nghiệp (ở các phố huyện và thị xã) làm nòng cốt

trong phong trào quần chúng rộng rãi, tham gia các hoạt động như: tuyên truyền miệng, rải truyền đơn, treo cờ Đảng... để tuyên truyền cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, kêu gọi nguồn gốc khổ cực của dân tộc ta bị thực dân Pháp xâm lược; vạch trần tội ác của phong kiến tay sai, tiến tới đánh đuổi thực dân Pháp, đánh đổ chế độ bù nhìn giành độc lập, tự do, bình đẳng cho nhân dân. Các mục tiêu đấu tranh của Đảng đề ra rất phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng, như luồng sinh khí mới làm thức tỉnh, cổ vũ phụ nữ vùng lên tham gia các phong trào cách mạng sôi nổi, mạnh mẽ ở khắp nơi trong tỉnh.

Ngày 21-1-1930, tại thị xã Phủ Lý, theo chủ trương của Đảng, các đồng chí đảng viên trong chi bộ đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm các vị lãnh tụ của phong trào công nhân quốc tế, dưới nhiều hình thức : treo cờ, rải truyền đơn, diễn thuyết, tuyên truyền kết nạp vào tổ học sinh đoàn, vận động phụ nữ nghèo khổ ở nông thôn, thành thị tham gia ủng hộ cách mạng, phát triển Đảng trong chị em nghèo, thợ thủ công và làm nhiệm vụ giao thông liên lạc.

Việc đầu tiên tổ chức giao cho các chị là tập xe đạp, vì rải truyền đơn đi bộ dễ bị bắt. Tập xe đạp là chuyện lạ, ở Phủ Lý lúc đó không có người nữ giới nào biết đi xe đạp, nên các chị đã cải trang là nam giới để tập xe. Nhân ngày 1-5-1930, các chị đã đi rải truyền đơn phản đối bắt phu, bắt lính, phản đối sưu cao thuế nặng, kêu gọi thợ thuyền, binh lính đấu tranh. Cờ Đảng được treo tại câu lạc bộ Tây (nhà xéc) ở thị xã. Sau này bị lộ, địch gọi các chị là đội “ngựa sắt”. Ngoài những việc trên, các chị trong chi bộ Phủ Lý còn tổ chức xây dựng lực lượng nòng cốt trong phụ nữ,

vận động phụ nữ ở các chợ ủng hộ cách mạng. Chị Ty hàng ngày bán hàng tấm, hàng xén ở chợ Bầu là cơ sở để hoạt động rất thuận lợi.

Tháng 9-1930, Tỉnh ủy lâm thời Hà Nam thành lập, nhiều chi bộ Đảng được xây dựng thêm. Trong các tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng cách mạng, có nhiều phụ nữ tham gia. Ở Duy Tiên có bà Sửu được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ, phục vụ cơm nước khi Tỉnh ủy Hà Nam tổ chức họp ở thôn Lũng Xuyên; bà Nội bán hàng nước ở dốc Lương Xá, mỗi khi cán bộ về họp, đều qua hàng nước của bà để nắm tin tức rồi mới về làng; có trường hợp được giao nhiệm vụ canh gác, bảo vệ, trong lúc nguy hiểm địch đang lùng sục tìm bắt cán bộ, chị em lại rất bình tĩnh thông minh dùng lời ca dụ dỗ, để báo cho cán bộ thoát nạn: Một lần đồng chí Nguyễn Duy Huân, Tỉnh ủy viên Hà Nam, trên đường về Lũng Xuyên thì gặp người con gái đang làm cỏ lúa ở bên đường cất tiếng hát:

*“Ai ơi trót đã hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò khác xưa”*

Đồng chí Huân lúc đầu tưởng người con gái đó trêu đùa mình, nên vẫn tiếp tục đi. Người con gái đó nhìn theo lại cất lên câu hát cũ, tiếng hát lần này nghiêm chỉnh hơn và kéo dài hai chữ “khác xưa”, linh tính cảnh giác đã báo, một thoáng suy nghĩ, đồng chí Huân quyết định quay trở lại không vào làng Lũng Xuyên nữa, sau mới biết ngày hôm đó trong làng có mật thám đang lùng sục tìm bắt cán bộ. Ở Bình Lục, gia đình mẹ Nguyễn Thị Nho (tức Quyên) ở thôn Cổ Viễn xã Hưng Công là trụ sở nhà in của Xứ ủy, nhà mẹ còn là cơ sở của cơ quan Tỉnh ủy Hà Nam

và Huyện ủy Bình Lục. Ngoài nhiệm vụ nuôi dưỡng, bảo vệ cán bộ mẹ còn làm nhiệm vụ giao thông, hàng ngày đi buôn bán trâu không, thường giấu tài liệu vào gánh trâu đem đến các cơ sở phố Phủ, trường học Bình Lục.

Trong thời gian này có nhiều cuộc đấu tranh của nông dân liên tiếp nổ ra đòi giảm sưu thuế, chống bọn cường hào, lý dịch tham nhũng. Tháng 8-1930, chi bộ Hưng Công (Bình Lục) đã tập hợp gần 300 người, phần lớn là phụ nữ kéo lên huyện, vạch tội bọn kỳ hào trong hội đồng hương chính lợi dụng sổ thu chi gian lận tiền công, đấu tranh đòi phế bỏ hội đồng cải lương. Phối hợp với chi bộ Hưng Công, chi bộ Ngọc Lũ đã vận động 500 người có cả phụ nữ kéo lên huyện gửi bản yêu sách. Trước sức mạnh đấu tranh quyết liệt của quần chúng, Tri huyện Bình Lục buộc phải chấp nhận các yêu sách của nông dân. Ở Kim Bảng, phụ nữ Phương Khê xã Ngọc Sơn kéo nhau lên huyện gửi đơn đòi bãi bỏ ngân sách xã, tố cáo bọn cường hào địa phương tham nhũng. Phụ nữ thôn Chuyên Thiện xã Chuyên Nội (Duy Tiên) tham gia đấu tranh chống bọn cường hào, hương lý lấy ruộng phe giáp, thu tô dùng vào ăn uống lãng phí trong lúc nông dân đang bị đói.

Tháng 9-1930, phụ nữ Duy Tiên tham gia trong cuộc mít tinh của trên 200 người dân, từ các ngã đường tiến ra dốc Lệnh theo đề đại hà về đền Lảnh vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu *"Đả đảo đế quốc Pháp và phong kiến, chống sưu cao thuế nặng, chống áp bức bóc lột"*... Cuộc mít tinh đã biến thành cuộc tuần hành biểu dương lực lượng của quần chúng cách mạng.

Ở Lý Nhân, phụ nữ tham gia chuyển từ hình thức rước đuốc đêm Trung thu của trẻ em làng Mạc Thượng thành cuộc biểu tình đả đảo tên phó lý Canh một tên cường hào gian ác ở xã này, được đông đảo quần chúng hưởng ứng.

Tại thị xã Phủ Lý, các đảng viên vận động tiểu thương đệ đơn vào tòa sứ, buộc Chánh sứ phải chấp nhận đơn và bỏ thuế ngôi chợ của chị em.

Đỉnh cao phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân Hà Nam là cuộc mít tinh biểu tình tuần hành ở xã Bình Trung ⁽¹⁾ (Bình Lục), ngày 20-10-1930 nhằm ủng hộ Xô Viết - Nghệ Tĩnh, ủng hộ nông dân Tiền Hải (Thái Bình), đòi giảm sưu, giảm thuế. Đi đầu cuộc biểu tình là chị Trần Thị Khuyến gương cao cờ Đảng, chị Nguyễn Thị Cán, chị Trần Thị Kiện cầm biểu ngữ, trong đoàn có nhiều phụ nữ tham gia. Lúc đầu có khoảng 300 người, khi đoàn đi qua thôn xã nào thì nhân dân ở đó tham gia đông tới hàng ngàn người. Đoàn biểu tình tập trung ở sân đình Triều Hội. Đúng giờ quy định, tiếng trống trong đình nổi lên từng hồi dồn dập, tiếp theo là tiếng pháo nổ giòn giã. Cờ đỏ búa liềm và truyền đơn xuất hiện, hàng ngàn người đã đứng thành hàng ngũ. Đồng chí Ngô Văn Bấy được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ tổ chức diễn thuyết, vạch tội ác của đế quốc phong kiến, kêu gọi quần chúng đứng lên theo Đảng làm cách mạng, đòi bãi bỏ hội đồng hương chính, đòi giảm sưu, giảm thuế, ủng hộ phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh và nông dân Tiền Hải (Thái Bình).

Cuộc đấu tranh của nông dân Bồ Đề và các xã xung quanh năm 1930, có sự tham gia đóng góp rất tích cực của

(1) Ngày nay Bình Trung gọi là Bồ Đề.

phụ nữ, đã giáng một đòn chính trị mạnh mẽ vào bộ máy của bọn xâm lược Pháp và phong kiến địa chủ, tay sai phản động. Biểu thị tinh thần yêu nước của nông dân, phụ nữ Bồ Đề quyết tâm theo Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời cũng chứng tỏ khả năng to lớn của phụ nữ tham gia đấu tranh trong mọi tình huống, chiến thắng mọi kẻ thù, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng cho chính bản thân mình.

Tinh thần cách mạng của phụ nữ Hà Nam thời kỳ này là một bước kế tục và phát huy cao độ những truyền thống oanh liệt của phụ nữ từ xa xưa. Trải qua đấu tranh thử thách, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phẩm chất và năng lực mới được nảy sinh, đó là lòng nhiệt tình hăng hái, đức hy sinh quên mình và sự trung thành tuyệt đối với cách mạng, tiêu biểu là chị Trần Thị Phúc, Nguyễn Thị Đức và chị An. Tháng 5-1931 cơ sở Phủ Lý bị lộ, mật thám Pháp đã từ Nam Định về vây cơ quan giao thông của Tỉnh ủy Hà Nam đóng ở nhà chị Phúc. Chúng bắt chị Phúc, chị Đức, chị An, biết các chị là những đảng viên cộng sản, chúng đưa các chị xuống Sở Mật thám Nam Định, nghi chị Phúc là trùm cộng sản ở Phủ Lý, địch đã dùng mọi cực hình tra tấn chị dã man như: dí điện vào đầu vú, cửa mình, đánh đập chị toàn thân tím không còn nhận ra hình dạng. Chị Đức và chị An (em gái và em họ chị Phúc) đều bị tra tấn dã man, song các chị rất kiên cường, cắn răng chịu đựng đòn roi và điện giật, quyết không khai báo nửa lời, giữ trọn khí tiết của người cộng sản trong nhà tù đế quốc.

Ở bên ngoài, bất chấp sự khủng bố, vây quét khốc liệt của địch, nhiều cán bộ cách mạng đã sống và hoạt động trong sự che chở, đùm bọc chăm sóc của các mẹ, các chị, lực lượng quần chúng phụ nữ ở các cơ sở đã thực sự trở thành tấm lá chắn, là sức mạnh vô địch của cách mạng. Tháng 5-1931 sau khi cơ sở Phủ Lý bị lộ, chị Ty được Tỉnh ủy Hà Nam bố trí cho chuyển về nông thôn hoạt động, vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách, chị đã xây dựng được cơ sở vững vàng trong sự đùm bọc giúp đỡ của chị em, tiêu biểu là gia đình chị Hà Thị Sạch - vợ đồng chí Ngô Gia Bấy ⁽¹⁾ ở xã Hưng Công (Bình Lục).

Để tạo điều kiện cho cán bộ dễ dàng hoạt động, và che mắt địch, chị Hà Thị Sạch đã vờ cưới chị Ty làm vợ lẽ cho chồng, nhờ đó chị đã có điều kiện hoạt động hợp pháp. Chị Ty đã len lỏi trong các ngõ xóm làng quê để tuyên truyền cho phụ nữ hiểu rõ nỗi khổ cực của nhân dân, của phụ nữ phải chịu 5 nổi đắng cay trong cuộc sống do: chính quyền, thần quyền, tộc quyền, phụ quyền, tập quyền của chế độ thực dân phong kiến gây nên, đồng thời giác ngộ cách mạng, vận động, tổ chức chị em tham gia sinh hoạt trong các tổ phụ nữ ở địa phương. Những chị em nào tích cực thì kết nạp vào Phụ nữ liên hiệp hội, còn lại thành lập tổ phụ nữ tương tế. Sau một thời gian, 3 tổ phụ nữ Hưng Công, Cổ Viễn, làng Vọc được thành lập lấy tên là Phụ nữ hiệp hội với nhiệm vụ làm giao thông liên lạc, nuôi dưỡng, che giấu bảo vệ cán bộ cách mạng.

(1) Tháng 4 năm 1931 được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Nam, Ban cán sự Đảng huyện Bình Lục được thành lập, do đồng chí Ngô Gia Bấy - Tỉnh ủy viên làm Bí thư. (Lịch sử Đảng bộ huyện Bình Lục - trang 57 - sách đã dẫn).

Hoạt động của phụ nữ Hà Nam trong những năm 1930 - 1931, lúc đầu mới ở phạm vi hẹp chỉ có một số phụ nữ là hội viên của tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội, một số là đảng viên cộng sản ở Phủ Lý làm nòng cốt, sau đó đã phát triển, cuốn hút nhiều phụ nữ tham gia. Ở các huyện dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng, chị em đã tham gia trong các tổ chức phụ nữ hiệp hội và tương tế như ở Cổ Viễn, Hưng Công (Bình Lục); Hòa Mạc (Duy Tiên); Đại Vượng (Thanh Liêm).

Tại Đại hội lần thứ nhất của Đảng (tháng 3 - 1935) họp ở Ma Cao (Trung Quốc) đã đánh giá : *"Thời kỳ vận động cách mạng cao nhất của phụ nữ là năm 1930 - 1931, trong hai năm ấy, không có cuộc thị oai, bãi công, biểu tình nào mà không có phụ nữ tham gia..."*. Qua thực tế đấu tranh ở Hà Nam được Đảng tuyên truyền giáo dục, nhiều chị từ những phụ nữ bình thường, giản dị, sống phụ thuộc vào gia đình, đã tích cực tham gia đấu tranh cách mạng, đi đầu trong các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành thị uy, giương cao cờ búa liềm, giương cao biểu ngữ, hô hào kêu gọi quần chúng đứng dậy đấu tranh. Ngoài ra chị em còn tham gia làm giao liên đưa tin tức, nuôi dưỡng, che giấu bảo vệ cán bộ. Khi bị địch bắt, mặc dù bị nhiều cực hình tra tấn dã man, các chị vẫn giữ trọn được khí tiết cách mạng, quyết không khai báo để bảo vệ Đảng, bảo vệ đồng chí của mình.

Cao trào 1930 - 1931 đã chứng minh rằng : Khi đường lối của Đảng đáp ứng được yêu cầu và nguyện vọng thiết tha của đông đảo quần chúng phụ nữ, những nguyện vọng ấy sẽ trở thành sức mạnh tinh thần vô địch, khơi dậy ý chí quật cường và lòng dũng cảm của phụ nữ Hà Nam không

ngại gian khổ, không sợ hy sinh, một lòng một dạ đi theo Đảng đến cùng. Qua tôi luyện đấu tranh, lớp cán bộ nữ đã trưởng thành cùng với sự phát triển của các tổ chức phụ nữ với nhiều tên gọi khác nhau: Phụ nữ hiệp hội, Phụ nữ tương tế...

II - XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, THAM GIA ĐẤU TRANH, TIẾN TỚI KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG (8-1945)

Từ tháng 5-1932, sau khi các cán bộ chủ chốt của Tỉnh ủy Hà Nam bị bắt, phong trào tạm thời lắng xuống. Trong thời gian này, mặc dù bị kẻ địch tăng cường khủng bố ác liệt, tìm phá các cơ sở Đảng, cơ sở cách mạng, hàng trăm cán bộ, đảng viên, quần chúng bị bắt tù đày, bị bắn giết dã man, song còn những đồng chí không bị bắt tuy phải nằm im hoặc lánh sang nơi khác nhưng có một số đồng chí trung kiên vẫn tiếp tục nuôi dưỡng ý chí, chờ thời cơ gây dựng lại phong trào. Ngay từ năm 1933, được bổ sung một số cán bộ, đảng viên tạm thời lánh ở các tỉnh khác, ở nhà tù về, bắt liên lạc với các đồng chí ở các địa phương phối hợp hoạt động khôi phục lại các cơ sở: Thụy Sơn, Cao Mật, Phù Đê (Kim Bảng); Bối Cầu, Đồng Du, Hưng Công, Cổ Viễn (Bình Lục). Năm 1934 gây dựng thêm được các cơ sở Đảng ở Phủ Lý, Thanh Liêm, Lý Nhân. Như vậy từ năm 1935 trở đi, ở Hà Nam đã gây dựng lại được nhiều cơ sở Đảng ở hầu khắp các huyện thị. Đó là những đốm lửa hồng nhen nhóm thổi bùng lên phong trào cách mạng ở khắp nơi.

Để tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, tuyên truyền gây ảnh hưởng của Đảng, các cơ sở Đảng đã chú trọng tập

trung vào xuất bản và phát hành sách, báo tiến bộ, tổ chức đọc sách báo, nói chuyện rộng rãi về chủ nghĩa cộng sản, nhằm nâng cao trình độ cho đảng viên và quần chúng cách mạng. Phong trào đọc sách báo phát triển, nhiều loại hấp dẫn như “Nhành lúa”, “Bạn dân”, “Thời thế”, “Đời nay”... đã được đông đảo chị em ở cả thành thị và nông thôn truyền tay nhau đọc, các chị còn tham gia các nhóm đọc sách báo do Đảng lập ra.

Qua các tài liệu, chị em bước đầu hiểu được vấn đề giải phóng phụ nữ theo quan điểm mác xít, hiểu rõ thêm về chủ nghĩa Mác - Lê nin hiểu rõ về đấu tranh giai cấp. Từ đó khích lệ chị em hăng hái tham gia hoạt động xã hội, chống các hủ tục lạc hậu, bất công như thách cưới, ma chay, bói toán, ngượng đãi phụ nữ...

Để thực hiện những khẩu hiệu “*Tự do lập hội*”, “*Tự do nghiệp đoàn*” v.v... Phụ nữ là những người tích cực trong việc tập hợp lực lượng vào các tổ chức. Ở xã Bình Trung, các tổ chức biến tướng của phụ nữ lần lượt ra đời như Hội hiếu hỷ, Hội tương tế, Hội thiện, Hội hoa đăng ở xã An Lão (Bình Lục)... bề ngoài các hội này với mục đích là giúp nhau những lúc khó khăn như ma chay, cưới xin, làm nhà... Nhưng thực chất bên trong là tuyên truyền đường lối cách mạng của Đảng cho nhân dân, trên cơ sở đó tập hợp quần chúng, lãnh đạo quần chúng tiến hành các cuộc đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ.

Ở nhiều nơi các cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra như: Phụ nữ cùng nhân dân huyện Lý Nhân, đấu tranh đòi tên Tri huyện bãi bỏ lệnh bắt mỗi xuất đình phải mua 5 lít rượu. Phụ nữ thôn Lũng Xuyên xã Yên Bắc (Duy Tiên) đấu tranh